

Số: **26** /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày **19** tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO

Về kết quả thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Thực hiện nội dung Công văn số 6007/BXD-QLN ngày 16/12/2020 của Bộ Xây dựng về việc báo cáo kết quả thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi báo cáo với một số nội dung cụ thể như sau:

I. Công tác chỉ đạo, điều hành

1. Đối với các cấp chính quyền địa phương

Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã chỉ đạo Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; các sở, ngành liên quan và UBND các địa phương khẩn trương phổ biến, tuyên truyền chính sách và rà soát, tổng hợp thống kê số hộ nghèo cần được hỗ trợ về nhà ở đảm bảo theo quy định. Sở Xây dựng và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã có văn bản hướng dẫn các địa phương phổ biến, tuyên truyền và rà soát, tổng hợp số liệu.

Theo chức năng, nhiệm vụ của từng sở, ngành đã triển khai:

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đã có văn bản hướng dẫn các địa phương phổ biến, tuyên truyền và rà soát, tổng hợp số liệu.

- Sở Xây dựng đã thiết kế 03 mẫu nhà ở, hướng dẫn công bố trên Cổng Thông tin điện tử của Sở để các địa phương tuyên truyền cho các hộ gia đình tham khảo, lựa chọn.

Ngày 04/9/2013, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 07/01/2016 về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo (theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015) trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể: Tổng số hộ thuộc diện đối tượng hỗ trợ xây dựng nhà ở mới, sửa chữa nâng cấp nhà ở là **6.120 hộ** (trong đó: Hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật...): 712 hộ; hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số: 4.144 hộ; hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai: 49 hộ; hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn: 135 hộ; hộ gia đình đang sinh sống

tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn: 116 hộ; hộ gia đình đang cư trú tại các huyện nghèo theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ: 78 hộ; các hộ gia đình còn lại: 886 hộ) với tổng nhu cầu vốn để triển khai thực hiện Đề án từ năm 2016 đến 2020 là 294,525 tỷ đồng (bao gồm: Vốn ngân sách địa phương để thực hiện quản lý, tổ chức triển khai thực hiện chính sách: 0,765 tỷ đồng; vốn vay ưu đãi tín dụng: 153,00 tỷ và dự kiến nguồn vốn huy động của cộng đồng, dòng họ và của chính hộ gia đình được hỗ trợ: 140,760 tỷ đồng).

UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với các Sở: Xây dựng, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính đã tiến hành tổ chức Hội nghị triển khai, tập huấn cho các cán bộ, công chức các cấp về công tác rà soát, thống kê các đối tượng theo quy định, hướng dẫn việc xây dựng theo 03 mẫu nhà do Sở Xây dựng thiết kế, công bố; chỉ đạo các ban ngành, đoàn thể thực hiện tốt công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chính sách đến người dân, giúp cho người dân hiểu rõ mục đích và chính sách của chương trình. Đồng thời, hướng dẫn các địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương để các cơ quan, đoàn thể và Nhân dân được biết về chính sách hỗ trợ hộ nghèo có khó khăn về nhà ở.

Ngoài ra, trong quá trình triển khai thực hiện Đề án, UBND tỉnh thường xuyên tổ chức kiểm tra, đôn đốc và giao Sở Xây dựng có văn bản hướng dẫn và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các địa phương (về tiêu chí "3 cứng"; phân loại Xây mới, Sửa chữa; vướng mắc đất đai, quy hoạch; thời gian thực hiện; kinh phí hỗ trợ...).

2. Đối với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội:

UBND tỉnh đã đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Ngãi chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, đoàn thể liên quan, UBND các huyện, thành phố tổ chức thực hiện tốt Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ và Thông tư số 08/2015/TT-BXD ngày 29/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng; tuyên truyền, vận động các tổ chức cá nhân tham gia đóng góp, hỗ trợ thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo.

Bên cạnh các hộ nghèo được thụ hưởng từ Đề án theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015, thì công tác tuyên truyền và vận động nhằm xây dựng Quỹ vì người nghèo trên cơ sở đóng góp tự nguyện theo trách nhiệm và tình cảm được các cơ quan, tổ chức doanh nghiệp, cá nhân hảo tâm trong và ngoài tỉnh đồng tình hưởng ứng tích cực để hỗ trợ xây dựng, sửa chữa cho các hộ gia đình có ngoài Đề án.

Các tổ chức chính trị - xã hội khác như Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh đã thực hiện tuyên truyền, phổ biến chính sách; tham gia vận động các tổ chức, doanh nghiệp và cộng

đồng ủng hộ bằng tiền, vật liệu xây dựng hoặc ngày công lao động để giúp đỡ các hộ nghèo xây dựng nhà; tham gia xây dựng nhà ở cho các hộ nghèo; phối hợp với UBND cấp xã tổ chức xây dựng nhà ở cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật...).

II. Kết quả thực hiện chính sách

1. Số căn nhà dự kiến hỗ trợ tại địa phương

Theo Đề án được phê duyệt tại Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 07/01/2016 của UBND tỉnh là 6.120 căn.

2. Số lượng căn nhà thực tế đã được hỗ trợ

a) Số lượng nhà ở được hỗ trợ: 1.740 căn/6.120 căn (đạt tỷ lệ 28,43%)

Trong đó:

- Số căn nhà được xây dựng mới: 1.624 căn;

- Số căn nhà được sửa chữa: 116 căn.

b) Phân loại theo đối tượng được ưu tiên:

- Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật): 44 hộ.

- Hộ gia đình là đồng dân tộc thiểu số: 698 hộ.

- Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai: 02 hộ.

- Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn: 09 hộ.

- Hộ gia đình đang sinh sống tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn: 04 hộ.

- Hộ gia đình đang cư trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP: 819 hộ.

- Các hộ gia đình còn lại: 164 hộ.

(Chi tiết có Phụ lục 1 kèm theo)

3. Về quy mô, chất lượng nhà ở

Để kịp thời giới thiệu cho các hộ gia đình được hỗ trợ tham khảo, nghiên cứu lựa chọn quy mô và hình thức xây dựng cho phù hợp với điều kiện cụ thể của từng hộ gia đình. Ngày 10/6/2016, Sở Xây dựng có Công văn số 1175/SXD-QLN&BDS giới thiệu thiết kế và dự toán 03 mẫu nhà ở cụ thể:

- Nhà xây (02 mẫu) với diện tích: 24m².

- Nhà sàn (01 mẫu) với diện tích 24,15m².

Trong quá trình triển khai thực hiện hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, ngoài nguồn vốn vay theo quy định thì một số hộ gia đình đã kêu gọi được sự tham

gia đóng góp thêm của hộ gia đình, dòng họ. Vì vậy, hầu hết các căn nhà đều đảm bảo về diện tích và chất lượng, đảm bảo tiêu chí “3 cứng” nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng, tuổi thọ của nhà đạt từ 10 năm trở lên.

4. Tổng nhu cầu vốn theo đề án cần huy động để thực hiện hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo: 293.760 triệu đồng. Trong đó:

- Vốn vay Ngân hàng Chính sách xã hội: 153.000 triệu đồng;

- Vốn huy động khác: 140.760 triệu đồng (*Nguồn vốn huy động của cộng đồng, dòng họ và của chính hộ gia đình được hỗ trợ*)

5. Tổng số vốn đã được giải ngân để thực hiện hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo: 69.761 triệu đồng. Trong đó:

- Vốn vay ngân hàng chính sách xã hội: 43.495 triệu đồng;

- Vốn huy động khác: 26.266 triệu đồng (*Nguồn vốn huy động của cộng đồng, dòng họ và của chính hộ gia đình được hỗ trợ*)

III. Nhận xét, đánh giá trong quá trình triển khai thực hiện

1. Những thuận lợi

Việc triển khai chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đã khẳng định chủ trương, quyết sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước. Chính sách nhận được sự đồng tình, ủng hộ và đánh giá cao của đa số các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là hộ nghèo cũng như các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể từ Trung ương đến địa phương.

Kết quả thực hiện chính sách đã tạo điều kiện cho các hộ nghèo ở nông thôn có nhà ở an toàn, ổn định, giúp cho các hộ nghèo yên tâm lao động sản xuất, phát triển kinh tế vươn lên thoát nghèo, góp phần thực hiện thắng lợi Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Đồng thời, thông qua việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đã khơi dậy tinh thần tương thân, tương ái, đoàn kết giúp đỡ trong cộng đồng theo đúng chủ trương “*Nhà nước hỗ trợ, cộng đồng giúp đỡ, hộ gia đình tham gia đóng góp để xây dựng nhà ở*”. Việc vận động, hướng dẫn người nghèo tích cực tham gia xây dựng nhà ở cho chính mình còn tạo cho họ có sự chủ động, tự tin để vươn lên thoát nghèo bền vững.

2. Một số vấn đề còn tồn tại vướng mắc

a) Khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân:

Theo đề án được duyệt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi thực hiện hỗ trợ cho 6.120 hộ nghèo có khó khăn về nhà ở. Tuy nhiên, từ năm 2016 đến nay chỉ thực hiện hỗ trợ được cho 1.740 hộ/6.120 hộ (đạt tỷ lệ 28,43%), việc thực

hiện hỗ trợ không đạt được chỉ tiêu theo đề án vì một số nguyên nhân chủ yếu sau:

- Chương trình hỗ trợ xây dựng nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Chính phủ theo hình thức hỗ trợ tín dụng và nguồn lực hỗ trợ từ cộng đồng còn hạn chế nên mặc dù được ưu đãi về lãi suất tuy nhiên hầu hết các đối tượng là các hộ nghèo, phần lớn dòng họ, anh em đều là các hộ khó khăn nên gặp nhiều khó khăn trong việc huy động vốn từ dòng họ, gia đình để thực hiện việc xây dựng, sửa chữa, nâng cấp nhà ở; một số hộ được hỗ trợ là hộ già cả, neo đơn, đồng bào dân tộc thiểu số vì ngại việc vay vốn sẽ gây nên nợ nần nên không tham gia vay vốn để xây dựng nhà ở. Đồng thời, nguồn vốn cho mỗi hộ dân vay 25 triệu đồng/hộ là quá ít, không đủ để người dân làm nhà trong thời điểm hiện tại.

- Bên cạnh đó, ở nhiều địa phương các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hoạt động từ thiện, hỗ trợ, giúp đỡ người dân cải thiện đời sống trong đó có hỗ trợ xây dựng nhà ở với số tiền cao hơn mức hỗ trợ theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg và các nguồn vốn này đều được các tổ chức, cá nhân hỗ trợ trực tiếp tới từng hộ dân mà không được lồng ghép vào các nguồn lực chung của địa phương. Do đó, các hộ gia đình được hỗ trợ xây dựng nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg phát sinh tâm lý ỷ lại, trông chờ nguồn vốn hỗ trợ này và không tiếp cận nguồn vốn vay từ ngân hàng chính sách xã hội để xây dựng nhà ở.

- Đối với các huyện miền núi: Địa bàn rộng, ngăn cách bởi nhiều sông suối, giao thông đi lại gặp nhiều khó khăn dẫn đến giá vật liệu, nhân công cũng tăng theo làm ảnh hưởng không nhỏ đến tiến độ thi công xây dựng nhà.

- Công tác phối kết hợp giữa các cơ quan liên quan, lồng ghép các nguồn lực để hỗ trợ nhà ở cho người dân chưa thường xuyên, liên tục.

Ngoài ra, nhiều đối tượng vay vốn xây dựng nhà ở đến nay không có khả năng hoàn trả nguồn vốn vay cho ngân hàng hoặc chậm trả lại theo đúng quy định.

b) Đề xuất giải pháp khắc phục:

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước trong công tác cho vay hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; chỉ đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội thường xuyên đôn đốc các hộ vay trả lãi gốc đảm bảo theo thời gian quy định.

Lồng ghép các nguồn lực từ xã hội tạo điều kiện cho hộ nghèo có thêm nguồn vốn hỗ trợ tạo điều kiện cho họ dễ dàng tiếp cận nguồn vốn vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội để xây dựng nhà ở.

Chi đạo UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện tốt chính sách hỗ trợ, nhất là việc bình xét lựa chọn đối tượng, kiểm tra, đôn đốc kịp thời để việc triển khai chính sách được thực hiện theo đúng kế hoạch, tiến độ đảm bảo được chất lượng và giải ngân kịp thời.

IV. Những đề xuất, kiến nghị của địa phương

1. Đề xuất cơ chế, chính sách cho giai đoạn tiếp theo

- Đề nghị Bộ Xây dựng nghiên cứu, đề xuất Chính phủ ngoài nguồn vốn vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội thì bố trí thêm nguồn vốn từ ngân sách nhà nước (Ngân sách Trung ương và Ngân sách địa phương), vốn kêu gọi từ các tổ chức trong nước và quốc tế với mức hỗ trợ tối thiểu đạt 50 triệu đồng/hộ.

- Đối với quy định đối tượng được hỗ trợ là “hộ độc lập có thời gian tách hộ đến khi quyết định này có hiệu lực thi hành tối thiểu là 05 năm” (theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định 33/2015/QĐ-TTg) làm hạn chế đối tượng được hỗ trợ. Do đó, chính sách hỗ trợ hộ nghèo có khó khăn về nhà ở trong giai đoạn tiếp theo cần xem xét giảm thời gian tách hộ để người dân có thể tiếp cận được các nguồn vốn hỗ trợ triển khai xây dựng, sửa chữa nhà ở.

- Đối với các hộ gia đình là người già cả, neo đơn, có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn đề nghị có cơ chế chính sách riêng để tạo điều kiện cho các hộ gia đình này dễ dàng tiếp cận với nguồn vốn hỗ trợ đảm bảo việc xây dựng, sửa chữa nhà ở; đồng thời có nguồn vốn hỗ trợ thêm đối với các đối tượng này.

2. Đề xuất một số nội dung khác

- Để huy động nhiều nguồn lực tham gia vào chương trình, kính đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh vận động các tổ chức, tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp tham gia, ủng hộ để tạo thêm nguồn lực hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở theo hướng lồng ghép vào nguồn vốn hỗ trợ theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg. Sau đó, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp triển khai thực hiện, hỗ trợ người dân xây dựng nhà ở đảm bảo chất lượng theo quy định.

- Nhằm phát huy mọi nguồn lực và giảm giá thành xây dựng nhà ở cho các hộ nghèo, đề nghị Bộ Xây dựng tham mưu Chính phủ chỉ đạo các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp với các địa phương đẩy mạnh việc tuyên truyền, vận động người dân và các doanh nghiệp tại địa phương tiếp tục tham gia, ủng hộ bằng nhiều hình thức để xây dựng nhà ở cho các hộ nghèo như: Nhân rộng mô hình chính quyền các địa phương bảo lãnh để các doanh nghiệp, hộ gia đình kinh doanh vật liệu xây dựng cấp cho người dân làm nhà trước, sau khi người dân nhận tiền hỗ trợ hoặc tiền vay ngân hàng thì hoàn trả cho

người bán; nghiên cứu, phát động Chương trình “Bán hàng không lợi nhuận cho các hộ nghèo xây dựng nhà ở”...

3. Báo cáo số lượng hộ nghèo có khó khăn về nhà ở nông thôn theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021 - 2025

Qua rà soát của các địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có 08 đơn vị (gồm các huyện: Bình Sơn, Mộ Đức, Đức Phổ, Tư Nghĩa, Minh Long, Sơn Tịnh, Nghĩa Hành, Trà Bồng) đăng ký số hộ nghèo có khó khăn về nhà ở nông thôn theo chuẩn nghèo giai đoạn 2021- 2015 với 1.799 hộ đăng ký, trong đó: 804 hộ thuộc đối tượng bảo trợ xã hội, 995 hộ là các đối tượng khác.

(Chi tiết có Phụ lục 2 đính kèm)

Kính báo cáo Bộ Xây dựng xem xét, tổng hợp/.

Nơi nhận:

- Bộ Xây dựng;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Sở: Xây dựng, Lao động - Thương binh và Xã hội, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VPUB: CVP, PCVP, TH, KGVX, CB-TH;
- Lưu: VT, CNXD (Vũ 104).



Đặng Văn Minh

QUẢNG BÌNH
HÀNG TỈNH
HỢP TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

(Kèm theo Báo cáo số 26 /BC-UBND ngày 19 /02/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



TT	Đơn vị	Tổng số hộ nghèo theo đề án được phê duyệt	Tổng nhu cầu vốn (triệu đồng)	Vốn vay từ ngân hàng chính sách xã hội	Vốn huy động khác	Tổng công (cần)	Số lượng căn nhà thực tế đã hỗ trợ										Tổng số vốn đã được giải ngân	Vốn vay từ ngân hàng chính sách xã hội	Vốn huy động khác
							Trong đó	Phân theo đối tượng ưu tiên											
							Xây mới (cần)	Sửa chữa (cần)	Hộ gia đình hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)	Hộ gia đình bảo đảm tộc thiểu số	Hộ gia đình vùng xung yếu thiên tai	Hộ đang sinh sống tại đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn	Hộ đang cư trú tại các huyện nghèo theo Nghị Quyết Q.uyết 30a/2008/NQ-CP	Hộ gia đình còn lại					
1	Huyện Bình Sơn	358	17.184	8.950	8.234	31	31	0	9	0	0	2	2	18	869	775	94		
2	Huyện Sơn Tịnh	59	2.832	1.475	1.357	13	0	13	0	0	0	0	0	13	325	325			
3	Thành phố Quảng Ngãi	185	8.880	4.625	4.255	16	3	13	0	0	0	0	0	16	400	400			
4	Huyện Tư Nghĩa	477	22.896	11.925	10.971	123	123	0	15	33	0	0	0	75	3.075	3.075			
5	Huyện Mộ Đức	205	9.840	5.125	4.715	10	6	4	12	1	0	0	0	0	250	250			
6	Huyện Đức Phổ	39	1.872	975	897	4	4	0	0	0	0	2	0	2	192	100	92		
7	Huyện Nghĩa Hành	250	12.000	6.250	5.750	23	23	0	0	12	2	0	0	6	575	575			
8	Huyện Minh Long	141	6.768	3.525	3.243	91	5	86	4	64	0	0	14	0	2.275	2.275			
9	Huyện Sơn Hà	688	33.024	17.200	15.824	203	203	0	1	185	0	0	2	15	9.135	5.075	4.060		
10	Huyện Sơn Tây	226	10.848	5.650	5.198	89	89	0	0	89	0	0	0	0	2.220	2.220			
11	Huyện Trà Bồng	2.281	109.488	57.025	52.463	805	805	0	0	0	0	0	801	4	38.341	20.125	18.216		
12	Huyện Ba Tơ	1.178	56.544	29.450	27.094	317	317	0	3	314	0	0	0	0	11.729	7.925	3.804		
13	Huyện Lý Sơn	33	1.584	825	759	15	15	0	0	0	0	0	0	15	375	375			
Tổng cộng		6.120	293.760	153.000	140.760	1.740	1.624	116	44	698	2	9	4	819	164	69.761	43.495	26.266	

**TỔNG HỢP SỐ HỘ NGHÈO CÓ KHÓ KHĂN VỀ NHÀ Ở NÔNG THÔN THEO
CHUẨN NGHÈO GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Báo cáo số **26** /BC-UBND ngày **19** /02/2021 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Xã, phường, thị trấn	Số hộ nghèo có khó khăn về nhà ở (hộ)			Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		
			Số hộ có đối tượng bảo trợ xã hội	Số hộ còn lại	
A	HUYỆN BÌNH SƠN	194	124	70	
I	Xã Bình Đông	36	15	21	
1	Thôn Tân Hy 1	5	1	4	
2	Thôn Tân Hy 2	12	5	7	
3	Thôn Sơn Trà	9	5	4	
4	Thôn Thượng Hòa	10	4	6	
II	Xã Bình Thuận	13	5	8	
1	Thôn Tuyết Diêm 1	1	0	1	
2	Thôn Tuyết Diêm 2	8	3	5	
3	Thôn Tuyết Diêm 3	2	2	0	
4	Thôn Thuận Phước	1	0	1	
5	Thôn Đông Lỗ	1	0	1	
III	Xã Bình Khương	25	18	7	
1	Thôn Thanh Trà	8	8	0	
2	Thôn Bình Yên	3	0	3	
3	Thôn Tây Phước	1	1	0	
4	Thôn Trà Lắm	5	3	2	
5	Thôn Phước An	8	6	2	
IV	Xã Bình Dương	9	4	5	
V	Xã Bình Nguyên	21	17	4	
1	Thôn Trì Bình	3	3	0	
2	Thôn Nam Bình 1	3	2	1	
3	Thôn Nam Bình 2	2	2	0	
4	Thôn Phước Bình	7	6	1	
5	Thôn Châu Từ	6	4	2	
VI	Xã Bình Trị	28	13	15	
1	Thôn Phước Hòa	14	7	7	
2	An Lộc Bắc	0	0	0	
3	An Lộc Nam	6	3	3	
4	An Lộc	4	2	2	
5	Lệ Thủy	4	1	3	
VII	Xã Bình Hiệp	8	8	0	
1	Thôn Xuân Yên Tây	3	3	0	
2	Thôn Xuân Yên	1	1	0	
3	Thôn Xuân Yên Đông	2	2	0	
4	Thôn Liên Trì Đông	2	2	0	
VIII	Xã Bình Long	32	26	6	

1	Thôn Long Xuân	5	4	1	
2	Thôn Long Vĩnh	5	4	1	
3	Thôn Long Mỹ	7	6	1	
4	Thôn Long Yên	5	4	1	
5	Thôn Long Hội	5	4	1	
6	Thôn Long Bình	5	4	1	
IX	Xã Bình Chương	20	17	3	
1	Thôn Nam Thuận	7	7	0	
2	Thôn An Điền 1	5	4	1	
3	Thôn An Điền 2	6	5	1	
4	Thôn Ngọc Trì	2	1	1	
X	Xã Bình Thạnh	2	1	1	
B	HUYỆN TƯ NGHĨA	309	296	13	
C	HUYỆN MINH LONG	565	85	480	
D	HUYỆN ĐỨC PHỒ	76	44	32	
I	Xã Phố Thuận	5	3	2	
1	Thôn Mỹ Thuận	2	2	0	
2	Thôn Vùng 4	2	1	1	
3	Thôn Vùng 5	1	0	1	
II	Xã Phố Khánh	31	16	15	
1	Thôn Phú Long	3	2	1	
2	Thôn Trung Hải	8	6	2	
3	Thôn Trung Sơn	3	2	1	
4	Thôn Diên Trường	11	3	8	
5	Thôn Phước Điền	4	2	2	
6	Thôn Vĩnh An	1	0	1	
7	Thôn Quy Thiện	1	1	0	
III	Xã Phố An	21	12	9	
1	Thôn Hội An I	13	9	4	
2	Thôn Hội An II	3	2	1	
3	Thôn An Thạch	2	1	1	
4	Thôn An Thổ	3	0	3	
IV	Xã Phố Cường	5	4	1	
1	Thôn Lâm Bình	1	1	0	
2	Thôn Bàn Thạch	1	0	1	
3	Thôn Thủy Thạch	2	2	0	
4	Thôn Xuân Thành	1	1	0	
V	Xã Phố Phong	11	8	3	
1	Thôn Hùng Nghĩa	1	1	0	
2	Thôn Tân Phong	2	2	0	
3	Thôn Hiệp An	1	1	0	
4	Thôn Vạn Trung	3	2	1	
5	Thôn Gia An	1	1	0	
6	Thôn Vĩnh Xuân	3	1	2	
VI	Xã Phố Châu	3	1	2	
1	Thôn Châu Me	1	1	0	
2	Thôn Hưng Long	1	0	1	
3	Thôn Tấn Lộc	1	0	1	
E	HUYỆN MỘ ĐỨC	463	176	287	

1	Xã Đức Lợi	6	4	2	
2	Xã Đức Thắng	18	10	8	
3	Xã Đức Chánh	81	17	64	
4	Xã Đức Minh	62	0	62	
5	Xã Đức Nhuận	12	6	6	
6	Xã Đức Phong	20	0	20	
7	Xã Đức Lân	18	3	15	
8	Xã Đức Phú	7	0	7	
9	Xã Đức Hiệp	82	22	60	
10	Xã Đức Thạnh	76	57	19	
11	Xã Đức Hòa	73	52	21	
12	Xã Đức Tân	8	5	3	
F	HUYỆN SƠN TINH	84	52	32	
I	Xã Tịnh Giang	4	1	3	
1	Thôn Cù Và	1	0	1	
2	Thôn An Hòa	1	0	1	
3	Thôn Đông Hòa	1	0	1	
4	Thôn Phước Thọ	1	1	0	
II	Xã Tịnh Đông	16	13	3	
1	Tân An	1	1	0	
2	Hương Nhượng Bắc	4	4	0	
3	Đồng Nhơn Bắc	5	5	0	
4	Đồng Nhơn Nam	3	2	1	
5	An Bình	2	1	1	
6	Tân Phước	1	0	1	
III	Xã Tịnh Minh	8	4	4	
1	Thôn Minh Thành	3	2	1	
2	Thôn Minh Khánh	2	1	1	
3	Thôn Minh Long	1	1	0	
4	Thôn Minh Trung	2	0	2	
IV	Xã Tịnh Hiệp	14	7	7	
1	Vĩnh Tuy	9	4	5	
2	Xuân Hòa	1	1	0	
3	Xuân Mỹ	0	0	0	
4	Mỹ Danh	4	2	2	
5	Đức Sơn	0	0	0	
V	Xã Tịnh Sơn	6	6	0	
1	Thôn Diên Niên	1	1	0	
2	Thôn An Thọ	1	1	0	
3	Thôn Phước Lộc Tây	2	2	0	
4	Thôn Phước Lộc Đông	1	1	0	
5	Thôn Bình Thọ	1	1	0	
VI	Xã Tịnh Bình	11	7	4	
1	Bình Bắc	4	2	2	
2	Bình Đông	2	2	0	
3	Bình Nam	5	3	2	
VII	Xã Tịnh Trà	7	5	2	
1	Khánh Mỹ	1	0	1	
2	Phú Thành	1	0	1	

3	Thạch Nội	2	2	0	
4	Trà Bình	3	3	0	
VIII	Xã Tịnh Thọ	12	8	4	
1	Thọ Tây	3	1	2	
2	Thọ Bắc	2	2	0	
3	Thọ Đông	2	1	1	
4	Thọ Trung	2	2	0	
5	Thọ Nam	3	2	1	
IX	Xã Tịnh Phong	2	0	2	
1	Phong Niên Thượng	1	0	1	
2	Trường Thọ	1	0	1	
X	Xã Tịnh Hà	4	1	3	
1	Thôn Hà Tây	1	1	0	
2	Thôn Lâm Lộc Nam	1	0	1	
3	Thôn Thọ Lộc Tây	1	0	1	
4	Thôn Hà Nhai Nam	1	0	1	
G	HUYỆN NGHĨA HÀNH	99	21	78	
I	Xã Hành Minh	26	12	14	
1	Thôn Tinh Phú Nam	10	6	4	
2	Thôn Tinh Phú Bắc	5	2	3	
3	Thôn Long Bàn Nam	4	2	2	
4	Thôn Long Bàn Bắc	7	2	5	
II	Xã Hành Thịnh	12		12	
1	Thôn Châu Me	1		1	
2	Thôn Xuân Ba	1		1	
3	Thôn An Ba	3		3	
4	Thôn Mỹ Hưng	2		2	
5	Thôn Đồng Xuân	1		1	
6	Thôn Ba Bình	1		1	
7	Thôn Xuân Đình	2		2	
8	Thôn Thuận Hòa	1		1	
III	Xã Hành Đức	34		34	
1	Kỳ Thọ Nam 1	10		10	
2	Kỳ Thọ Nam 2	4		4	
3	Phú Châu	7		7	
4	Kỳ Thọ Bắc	8		8	
5	Xuân Vinh	5		5	
IV	Xã Hành Trung	8	5	3	
1	Thôn Hiệp Phở Bắc	3	3	0	
2	Thôn Hiệp Phở Trung	1	1	0	
3	Thôn Hiệp Phở Nam	3	1	2	
4	Thôn Hiệp Phở Tây	1	0	1	
V	Xã Hành Tín Tây	19	4	15	
1	Tân Hòa	4	2	2	
2	Tân Phú	4	1	3	
3	Long Bình	3		3	
4	Đồng Miếu	2	1	1	
5	Phú Thọ	3		3	
6	Phú Khương	3		3	

H	HUYỆN TRÀ BÔNG	9	6	3	
1	Trà Bình	5	2	3	.
2	Trà Phú	4	4	4	
TỔNG CỘNG		1799	804	995	